

Số: 164/BC-UBND

Hòa Thành, ngày 08 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THỊ XÃ
QUÝ I NĂM 2024

I. Thu ngân sách: (Biểu số 94/CK-NSNN)

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu nội địa) lũy kế đến ngày 31/3/2024 là 96.561 triệu đồng, đạt 27,17% dự toán, so cùng kỳ giảm 4,51 %, cụ thể như sau:

- Có 03 chỉ tiêu thu đạt cao so với mức bình quân chung (25%)
- + Thu phí, lệ phí: 2.996 triệu đồng, đạt 71,33 % dự toán.
- + Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 52.858 triệu đồng, đạt 43,35% dự toán.
- + Thu khác ngân sách: 4.232 triệu đồng, đạt 39,33% dự toán.
- Có 04 chỉ tiêu thu không đạt mức bình quân chung (25%)
- + Thu khác tại xã, phường: 358 triệu đồng, đạt 23,25 % dự toán.
- + Thuế thu nhập cá nhân: 10.243 triệu đồng, đạt 20,49% dự toán
- + Các khoản thu về nhà đất: 12.420 triệu đồng, đạt 19,11 % dự toán.
- + Lệ phí trước bạ nhà đất: 13.426 triệu đồng, đạt 13,16 % dự toán.

II. Chi ngân sách: (Biểu số 93/CK-NSNN, Biểu số 95/CK-NSNN)

- Ngân sách địa phương cân đối điều hành chi trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo nguồn hoạt động thường xuyên, chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các khoản chi thiết yếu khác. Tổng chi ngân sách địa phương quý I/2024 là 121.159 triệu đồng, đạt 20,35 % dự toán, so cùng kỳ giảm 8,01 % bao gồm:

1. Chi cân đối ngân sách thị xã: 107.557 triệu đồng, đạt 19,95% dự toán, bao gồm:
 - a. Chi đầu tư phát triển: 23.118 triệu đồng, đạt 19,95% dự toán
 - b. Chi thường xuyên: 84.439 triệu đồng, đạt 18,73 % dự toán.
- Chi Y tế, dân số và gia đình: 1.119 triệu đồng, đạt 27,29% so dự toán.
- Chi quốc phòng-an ninh: 5.552 triệu đồng, đạt 21,47 % so dự toán.
- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 15.934 triệu đồng, đạt 21,41% so dự toán.

- Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 53.188 triệu đồng, đạt 21,20 % so dự toán.

- Chi SN văn hóa thông tin: 1.000 triệu đồng, đạt 20,46 % so dự toán.

- Chi đảm bảo xã hội: 5.492 triệu đồng, đạt 15,68 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp kinh tế: 2.085 triệu đồng, đạt 6,52 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp thể thao: 40 triệu đồng, đạt 3,36 % so dự toán.

- Chi SN truyền thanh: 12 triệu đồng, đạt 1,3% so dự toán.

- Chi sự nghiệp môi trường: 14 triệu đồng, đạt 0,07 % so dự toán.

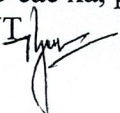
- Chi khác: 3 triệu đồng, đạt 0,13 % so dự toán.

2. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 13,602 triệu đồng, đạt 43,64% dự toán.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tài chính Tây Ninh;
- Văn phòng Thị ủy;
- Các phòng, ban thuộc UBND thị xã;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án nhân dân thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu VT



KG. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vân



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý I năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	595.435	121.159	20,35	91,99
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	539.129	107.557	19,95	81,66
I	Chi đầu tư phát triển	77.200	23.118	29,95	42,40
1	Chi đầu tư cho các dự án	74.200	20.118	27,11	37,94
2	Chi ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội	3.000	3.000	100,00	200,00
II	Chi thường xuyên	450.931	84.439	18,73	109,40
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	250.892	53.188	21,20	119,35
2	Chi khoa học và công nghệ	130		0,00	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4.100	1.119	27,29	125,73
4	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	4.887	1.000	20,46	320,51
5	Chi sự nghiệp truyền thanh	923	12	1,30	100,00
6	Chi thể dục thể thao	1.192	40	3,36	307,69
7	Chi bảo vệ môi trường	19.300	14	0,07	100,00
8	Chi hoạt động kinh tế	31.967	2.085	6,52	75,43
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	74.424	15.934	21,41	116,09
10	Chi bảo đảm xã hội	35.028	5.492	15,68	59,72
11	Chi quốc phòng-an ninh	25.863	5.552	21,47	95,49
12	Chi khác	2.225	3	0,13	2,40
13	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên				
14	Tạm chi chưa đưa vào cân đối NSNN				
III	Chi NS xã, phường				
IV	Dự phòng ngân sách	10.998		0,00	
B.2	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	56.306	13.602	24,16	
I	Chi đầu tư phát triển (1)	26.250	12.225	46,57	
-	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	26.250	12.225	46,57	
II	Chi thường xuyên	30.056	1.377	4,58	
1	CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	105		0,00	
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	16.295		0,00	
3	Kinh phí thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững	4.428		0,00	
4	Các chương trình nhiệm vụ	9.228	1.377	14,92	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý I năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	355.430	96.561	27,17	95,49
I	Thu nội địa	355.430	96.561	27,17	95,49
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	121.930	52.858	43,35	131,34
4	Thuế thu nhập cá nhân	50.000	10.243	20,49	80,90
5	Thuế bảo vệ môi trường	0			
6	Lệ phí trước bạ	102.000	13.426	13,16	52,49
7	Thu phí, lệ phí	4.200	2.996	71,33	106,96
8	Các khoản thu về nhà, đất	65.000	12.420	19,11	75,59
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.600	969	21,07	89,14
-	Thu tiền sử dụng đất	60.000	11.439	19,07	74,58
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	400	12	3,00	171,43
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ cấp giấy phép khai thác tài nguyên		28		42,42
10	Thu khác ngân sách	10.760	4.232	39,33	158,21
11	Thu khác tại xã (bao gồm: Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác)	1.540	358	23,25	54,00
II	Các khoản thu quản lý qua ngân sách				
B	THU NGÂN SÁCH ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	269.570	103.953	38,56	99,97
1	Các khoản thu phân chia	185.688	86.745	46,72	105,13
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	83.882	17.208	20,51	80,13



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý I năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	571.948	182.474	31,90	44,29
I	Thu cân đối NSNN	355.430	103.953	29,25	99,97
1	Thu nội địa (số thu điều tiết)	355.430	103.953	29,25	102,80
2	Thu viện trợ				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	216.518	55.168	25,48	82,69
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		23.353		9,68
IV	Thu kết dư ngân sách năm 2022		0		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	595.435	121.159	20,35	91,99
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	595.435	121.159	20,35	91,99
1	Chi đầu tư phát triển	103.450	35.343	34,16	64,82
2	Chi thường xuyên	480.987	85.816	17,84	111,18
3	Tạm chi chưa đưa vào cân đối NSNN				
4	Chi dự phòng ngân sách	10.998		0,00	
II	Chi từ nguồn BS có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				